

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1998. (Có mặt)
HKTT: Tiểu khu X, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
HKTT: Tiểu khu X, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan (không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh A trình bày: Chị và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam năm 2016, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh đầu năm 2019 và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, chị đã về sống với bố mẹ để từ đó cho đến nay. Bản thân anh B cũng không có ý thức hóa giải mâu thuẫn, để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà lại đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không còn liên lạc với chị. Hiện nay chị không biết được địa chỉ của anh B ở nước ngoài, anh B cũng không cho chị biết. Chị đã hỏi nhưng gia

định phía anh B, cũng không ai biết địa chỉ cụ thể của anh B ở đâu, nên chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài cho Tòa án. Nay chị xác định giữa vợ chồng đã không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Duy H, sinh ngày 17/8/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 08/9/2021 và ngày 13/9/2021, giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với thân nhân của anh Trần Văn B là bà Nguyễn Thị H2 (mẹ đẻ của anh B), xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà H2 đã thông tin lại cho anh B được biết việc chị A đang yêu cầu xin ly hôn với anh tại Tòa án tỉnh Thái Nguyên, anh B có trao đổi lại: *“Anh xác định vợ chồng đúng là có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh và chị A cũng đã có đơn thuận tình ly hôn. Từ khi sang Đài Loan anh không còn giữ liên lạc với chị A, sự quan tâm chăm sóc nhau giữa vợ chồng cũng chấm dứt từ đó, việc chị A ra Tòa xin ly hôn anh nhất trí; Về con chung: Anh chị có một con như chị A đã khai là đúng. Do anh không ở Việt Nam nên không trực tiếp chăm sóc con được, nên việc trực tiếp nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con anh không thể thực hiện được. Anh nhất trí với ý kiến của chị A, để chị A được trực tiếp nuôi con và cho anh hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: anh không đề nghị giải quyết. Do anh đang ở nước ngoài, không về nước để giải quyết vụ án được, nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho A được ly hôn với anh H1; Giao cháu Trần Duy H1, sinh năm 2016 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B vì chị A không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết; Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Duy B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 185150/QLXNC-P5, ngày 20/8/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An, xác định anh

Trần Văn B đã xuất cảnh ngày 17/3/2019 qua cửa khẩu Nội Bài- Hà Nội, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do vậy đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh A, chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh B ở Việt Nam, mà không cung cấp được địa chỉ của anh B ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh B là mẹ đẻ bà Nguyễn Thị H2, thấy có đủ căn cứ xác định anh B vẫn liên lạc về Việt Nam, nhưng địa chỉ cụ thể hiện nay của anh B ở nước ngoài bà H2 không cung cấp được. Toà án đã hai lần yêu cầu, nhưng đến nay bà H2 vẫn không cung cấp địa chỉ của anh B. Bản thân anh B đã biết được việc chị A xin ly hôn với anh, nhưng anh không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao, về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị A và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn B.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Trần Văn B là trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị A xin ly hôn là do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, hai bên không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Năm 2019, anh chị đã sống ly thân, chị A thì bỏ về sống tại nhà ngoại, còn anh B thì đi lao động hợp tác tại nước ngoài. Từ khi anh B đi xuất khẩu lao động, anh không còn giữ liên lạc với chị A, địa chỉ của anh ở nước ngoài anh cũng không cho chị A biết. Cả hai đều không ai có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng và họ cũng đã có đơn thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị A đã hoàn toàn rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy anh B không có văn bản gửi Tòa án, nhưng thông qua người thân (là mẹ đẻ), anh cũng đã hoàn toàn nhất trí với việc chị A xin ly hôn. Trước đó, khi mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, giữa anh chị cũng đã có thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ chấp nhận, cho chị A được ly hôn anh B là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh B và chị A có 01 con chung là Trần Duy H1, sinh ngày 17/8/2016. Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, anh B đã thông qua đại diện thân nhân của mình mà nhất trí. Do anh B hiện không có mặt tại Việt Nam, hiện cháu H1 đang sinh sống với chị A, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là Trần Duy H1, sinh ngày 17/8/2016 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh B (vì chị B không yêu cầu), là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con, mức cấp

đưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác, theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có và không yêu cầu giải quyết, phía anh B thông qua thân nhân cũng nhất trí. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi cần thiết và có đủ căn cứ các bên đương sự đều có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh A. Chị Nguyễn Thị Thanh A được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Con chung là Trần Duy H1, sinh ngày 17/8/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B, do chị A không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000043 ngày 12/8/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo trong hạn một tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND TT Đu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy